

Số: 27 /2017/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 07 năm 2017



**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý  
và sử dụng các mức thu tại chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;*

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về việc phát triển và quản lý chợ;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014*

*của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá,*

*Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 2254/TTr-SCT ngày 27/6/2017.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các mức thu tại chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2017.

2. Thay thế Khoản 1, Khoản 3 Điều 24 Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; thay thế Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; thay thế Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, Thị xã Long Khánh, Thành phố Biên Hòa, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh Đồng Nai;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Vĩnh**

## QUY ĐỊNH

**Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý  
và sử dụng các mức thu tại chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND  
ngày 03/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về các mức thu tại chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: thu đầu tư, thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, thu đối với tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện vận tải cơ giới vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ, thu dịch vụ trông giữ xe.

2. Quy định việc thu, nộp, quản lý các khoản thu sử dụng các dịch vụ tại chợ đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng điểm kinh doanh, mặt bằng, diện tích bán hàng và các dịch vụ tại chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Đối với chợ, điểm kinh doanh tại chợ tổ chức thực hiện đấu giá thu đầu tư thì không thực hiện theo quy định tại Chương II của Quy định này.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ sử dụng trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Phạm vi chợ: Là khu vực được quy hoạch dành cho hoạt động chợ bao gồm diện tích để bố trí các điểm kinh doanh, khu vực dịch vụ (như: Bãi để xe, kho hàng, khu ăn uống, vui chơi giải trí và các dịch vụ khác) và đường bao quanh chợ.

2. Điểm kinh doanh tại chợ: Là bao gồm quầy hàng, sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ, có diện tích quy chuẩn tối thiểu là 3 m<sup>2</sup>/điểm.

3. Tổ chức quản lý chợ

a) Ban quản lý chợ: Là đơn vị sự nghiệp có thu do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, tự trang trải các chi phí, có tư cách pháp nhân, có con dấu và

tài khoản riêng tại Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng.

b) Tổ quản lý chợ: Là đơn vị do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, tự trang trải các chi phí, có tài khoản riêng tại Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng.

c) Đơn vị kinh doanh, quản lý chợ: Là hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được thành lập, đăng ký kinh doanh và hoạt động theo quy định của pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc trúng thầu về kinh doanh, khai thác và quản lý chợ.

d) Thương nhân đầu tư, quản lý và kinh doanh khai thác chợ: Là hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thực hiện đầu tư xây dựng chợ, sau đó tổ chức quản lý và kinh doanh khai thác chợ.

#### 4. Loại hình chợ

a) Chợ đầu mối: Là chợ chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế, vùng sản xuất tập trung hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác.

b) Chợ hạng 1: Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh.

c) Chợ hạng 2: Là chợ có từ 200 điểm kinh doanh đến 400 điểm kinh doanh.

d) Chợ hạng 3: Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh.

Về loại hình chợ đầu mối, hạng chợ được áp dụng theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung có liên quan.

5. Sức cạnh tranh của chợ (nhóm): Là chợ, khu vực, ngành nghề kinh doanh trong phạm vi chợ có lợi thế cạnh tranh, sức mua sắm, doanh thu mua bán thấp sẽ được hưởng mức thu thấp hơn, được chia làm bốn nhóm (1, 2, 3, 4) từ cao xuống thấp (chỉ áp dụng đối với chợ đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước).

Sức cạnh tranh của chợ (nhóm) áp dụng đối với chợ đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước sẽ tương ứng với một, một số nhóm cụ thể. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phân nhóm cho phù hợp tình hình thực tế tại địa phương để áp dụng mức thu cụ thể từng chợ, khu vực, ngành nghề kinh doanh trong phạm vi chợ.

6. Vị trí thuận lợi của điểm kinh doanh: Là điểm kinh doanh có vị trí kinh doanh thuận tiện, lợi thế cao (hệ số k) sẽ chịu mức thu cao hơn (chỉ áp dụng đối với thu đầu tư).

a) Vị trí 1 ( $k = 1,5$ ): Là các điểm kinh doanh có mặt tiền hướng đường chính (quốc lộ, tỉnh lộ) hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên ngoài chợ

b) Vị trí 2 ( $k = 1,3$ ): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chính của chợ

c) Vị trí 3 ( $k = 1$ ): Là các điểm kinh doanh còn lại trong chợ.

### 7. Hình thức đầu tư xây dựng chợ

a) Chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Là chợ được đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn của ngân sách nhà nước (trung ương, tỉnh, huyện) và các nguồn viện trợ không hoàn lại (kể cả chợ do dự án lĩsạp tài trợ đầu tư) chiếm trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng giá trị công trình chợ (không tính chi phí giá trị đất chợ).

b) Chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước

- Các chợ còn lại không thuộc chợ được đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Điểm a Khoản này.

- Chợ được đầu tư từ nguồn vốn của các hộ kinh doanh đóng góp xây dựng chợ (việc góp vốn phải thực hiện trước khi công trình chợ hoàn thành) chiếm trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng giá trị công trình chợ (không tính chi phí giá trị đất chợ).

- Chợ được thương nhân thực hiện thuê đất và đầu tư xây dựng chợ, sau đó tổ chức quản lý, kinh doanh khai thác chợ.

### 8. Tính chất hoạt động của hộ kinh doanh

a) Hộ kinh doanh cố định: Là hộ kinh doanh thực hiện việc buôn bán thường xuyên tại điểm kinh doanh được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ, có thời gian tham gia buôn bán tại chợ từ 15 ngày/tháng trở lên.

b) Hộ kinh doanh không cố định: là hộ kinh doanh không thường xuyên, thực hiện việc mua bán tại khu vực sân chợ, ngoài trời hoặc tại khu vực không phân chia cụ thể cho một chủ hàng nào.

9. Thu đầu tư: Là khoản thu tiền thuê đất khi giao đất và chi phí đầu tư hạ tầng chợ bao gồm: Nhà lồng chợ, mái nhà lồng chợ, đường nội bộ, vỉa hè, hệ thống cấp nước thoát nước, hệ thống điện, hệ thống xử lý nước thải, cầu thang cuốn, xây dựng sạp hàng, quầy hàng, ki-ốt, trang thiết bị phòng cháy chữa cháy (đầu tư ban đầu), sửa chữa nâng cấp nhỏ.

10. Thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ: Là khoản thu để bù đắp cho công tác quản lý, sắp xếp ngành hàng kinh doanh, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, chi phí duy trì hoạt động nhà vệ sinh công cộng tại chợ; các chi phí như: Điện, nước, bảo trì, mua sắm thiết bị phòng cháy chữa cháy, mua bảo hiểm phòng cháy chữa cháy nhà lồng chợ, cấp thoát nước (sử dụng cho mục đích hoạt động chung của chợ), trông giữ hàng hóa ban đêm tại chợ (nếu có), thông tin tuyên truyền.

11. Thu đối với tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện vận tải cơ giới vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ: Là khoản thu để bù đắp cho công tác quản lý, chi phí sửa chữa đường nội bộ xung quanh chợ.

12. Niêm yết giá: Là việc tổ chức quản lý chợ, hộ kinh doanh thông báo công khai bằng các hình thức thích hợp, rõ ràng và không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng Đồng Việt Nam bằng cách in, dán, ghi giá trên bảng, trên giấy hoặc trên bao bì của hàng hóa hoặc bằng hình thức khác tại văn phòng ban quản lý chợ, bảng thông báo của chợ, điểm kinh doanh, quầy hàng, kệ hàng để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

13. Đồng tiền thể hiện trong niêm yết giá và thu tiền tại chợ là Đồng Việt Nam (VNĐ), được làm tròn đến đơn vị hàng trăm (từ năm trở lên làm tròn là 1, dưới 5 trở xuống làm tròn là 0).

## Chương II

### MỨC GIÁ THU TẠI CHỢ

#### Mục 1

#### MỨC GIÁ THU ĐẦU TƯ

**Điều 4. Mức giá thu đầu tư đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước**

1. Tổ chức quản lý chợ có thể áp dụng hệ số thuận lợi (hệ số k) theo 03 mức ( $k = 1,5$ ;  $k = 1,3$ ;  $k = 1$ ).

2. Đối với chợ đang hoạt động ổn định thì mức thu đầu tư được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quy định này (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

3. Đối với chợ chưa có tên trong Phụ lục kèm theo Quy định này (chợ tạm, chợ đang thực hiện đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa, chợ đang thực hiện xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai, điểm kinh doanh tại chợ) trên cơ sở quyết định phân nhóm của UBND cấp huyện ban hành, tổ chức quản lý chợ thực hiện thu đầu tư theo mức giá cụ thể được quy định như sau (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng):

Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>/tháng

| STT      | Nội dung thu đầu tư                                                                       | Nhóm 1 | Nhóm 2 | Nhóm 3 | Nhóm 4 |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| <b>1</b> | <b>Chợ đầu mối, chợ hạng 1</b>                                                            |        |        |        |        |
| a        | Đối với điểm kinh doanh là ki-ốt được xây dựng kiên cố                                    | 30.000 | 27.000 | 24.500 | 20.000 |
| b        | Đối với điểm kinh doanh được xây dựng bằng gạch men, thùng sắt, thùng inox, vật liệu khác | 21.000 | 18.500 | 16.500 | 14.500 |
| <b>2</b> | <b>Chợ hạng 2</b>                                                                         |        |        |        |        |
| a        | Đối với điểm kinh doanh là ki-ốt được xây dựng kiên cố                                    | 25.000 | 22.500 | 20.000 | 15.000 |

| STT      | Nội dung thu đầu tư                                                                       | Nhóm 1 | Nhóm 2 | Nhóm 3 | Nhóm 4 |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| b        | Đối với điểm kinh doanh được xây dựng bằng gạch men, thùng sắt, thùng inox, vật liệu khác | 17.500 | 16.000 | 14.500 | 12.000 |
| <b>3</b> | <b>Chợ hạng 3</b>                                                                         |        |        |        |        |
| a        | Đối với điểm kinh doanh là ki-ốt được xây dựng kiên cố                                    | 20.000 | 18.000 | 16.000 | 14.000 |
| b        | Đối với điểm kinh doanh được xây dựng bằng gạch men, thùng sắt, thùng inox, vật liệu khác | 14.000 | 12.500 | 10.500 | 10.000 |

4. Đối với chợ do nhà nước đầu tư một phần và một phần do thành phần khác đóng góp xây dựng chợ: Tổ chức quản lý chợ khi tính số tiền thu đầu tư thì áp dụng mức thu quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 của Quy định này nhân tương ứng với tỷ lệ nhà nước góp vốn, hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ.

5. Trường hợp đã hoàn thành thu hồi vốn đầu tư (hợp đồng thuê quyền sử dụng điểm kinh doanh hết thời hạn theo cam kết góp vốn đầu tư xây dựng chợ): Thì tiếp tục thực hiện thu đầu tư bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) so với mức thu quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 của Quy định này.

6. Trường hợp hộ kinh doanh tự bỏ vốn xây dựng điểm kinh doanh (theo đúng thiết kế xây dựng, thiết kế mẫu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Tổ chức quản lý chợ đồng ý chấp thuận bằng văn bản) thì thực hiện thu đầu tư bằng 20% (hai mươi phần trăm) so với mức thu quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 của Quy định này.

7. Trường hợp chợ đã hoàn thành thu hồi vốn đầu tư, đồng thời hộ kinh doanh tự bỏ vốn xây dựng điểm kinh doanh thì thực hiện mức thu đầu tư bằng 15% (mười lăm phần trăm) so với mức thu quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 của Quy định này.

**Điều 5. Mức giá thu đầu tư đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)**

1. Chợ đầu mỗi mức giá tối đa không quá 500.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng.
2. Chợ hạng 1, hạng 2, hạng 3 mức giá tối đa không quá 300.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng.
3. Chợ đêm mức giá tối đa không quá 200.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng.

## Mục 2

### MỨC GIÁ THU DỊCH VỤ SỬ DỤNG DIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ

**Điều 6. Mức giá thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước**

1. Không áp dụng hệ số thuận lợi (hệ số k) của điểm kinh doanh.
2. Mức thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đối với hộ kinh doanh cố định được tính bằng cách lấy diện tích kinh doanh của một hộ kinh doanh nhân với mức thu được quy định tại Khoản 3, Khoản 4. Trường hợp, tổng diện tích kinh doanh của một hộ kinh doanh lớn trên  $8 \text{ m}^2$ , thì phần diện tích tăng thêm từ  $8,1 \text{ m}^2$  đến  $16 \text{ m}^2$  sẽ tính bằng 75% (bảy mươi lăm phần trăm) mức thu được quy định tại Khoản 3, Khoản 4. Trường hợp, tổng diện tích kinh doanh của một hộ kinh doanh lớn trên  $16 \text{ m}^2$ , thì phần diện tích tăng thêm từ  $16,1 \text{ m}^2$  trở lên sẽ tính bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu được quy định tại Khoản 3, Khoản 4.
3. Mức thu được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quy định này (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Trường hợp hộ kinh doanh không cố định sử dụng nhiều hơn  $3 \text{ m}^2$ /hộ thì mỗi diện tích tăng thêm áp dụng mức thu tăng thêm tương ứng, nhưng mức thu tối đa không quá 60.000 đồng/hộ/ngày.
4. Đối với chợ chưa có tên trong Phụ lục kèm theo Quy định này (chợ tạm, chợ đang thực hiện đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa, chợ đang thực hiện xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai, điểm kinh doanh tại chợ) trên cơ sở quyết định phân nhóm của UBND cấp huyện ban hành, tổ chức quản lý chợ thực hiện thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ theo mức giá cụ thể được quy định như sau (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

a) Mức thu đối với hộ kinh doanh cố định

Đơn vị tính: Đồng/ $\text{m}^2$ /tháng

| STT | Loại hình chợ           | Nhóm 1 | Nhóm 2 | Nhóm 3 | Nhóm 4 |
|-----|-------------------------|--------|--------|--------|--------|
| 1   | Chợ đầu mối, chợ hạng 1 | 50.000 | 42.000 | 30.000 | 25.000 |
| 2   | Chợ hạng 2              | 40.000 | 36.000 | 25.000 | 22.000 |
| 3   | Chợ hạng 3              | 30.000 | 24.000 | 20.000 | 18.000 |
| 4   | Chợ đêm                 | 50.000 | 36.000 | 30.000 | 25.000 |

b) Mức thu đối với hộ kinh doanh không cố định

Đơn vị tính: Đồng/hộ/ngày  
(tương ứng với diện tích đất chiếm không quá  $3 \text{ m}^2$ /hộ)

| STT | Loại hình chợ           | Nhóm 1 | Nhóm 2 | Nhóm 3 | Nhóm 4 |
|-----|-------------------------|--------|--------|--------|--------|
| 1   | Chợ đầu mối, chợ hạng 1 | 4.000  | 3.500  | 3.000  | 2.500  |
| 2   | Chợ hạng 2              | 3.500  | 3.000  | 2.500  | 2.000  |
| 3   | Chợ hạng 3              | 2.500  | 2.000  | 1.500  | 1.000  |

**Điều 7. Mức giá thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước**

1. Đối với hộ kinh doanh cố định (mức thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)

- a) Chợ đầu mỗi mức giá tối đa không quá 250.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng.
- b) Chợ hạng 1, hạng 2, hạng 3 mức giá tối đa không quá 60.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng.
- c) Chợ đêm mức giá tối đa không quá 100.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng.

2. Đối với hộ kinh doanh không cố định

- a) Chợ đầu mỗi mức giá tối đa không quá 50.000 đồng/hộ/ngày (tương ứng với diện tích đất chiếm 3m<sup>2</sup>).
- b) Chợ hạng 1, hạng 2, hạng 3, chợ đêm mức giá tối đa không quá 10.000 đồng/hộ/ngày (tương ứng với diện tích đất chiếm 3m<sup>2</sup>).
- c) Trường hợp hộ kinh doanh không cố định sử dụng nhiều hơn 3m<sup>2</sup>/hộ thì mỗi diện tích tăng thêm áp dụng mức thu tăng thêm tương ứng.

**Điều 8. Mức thu đối với tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện vận tải cơ giới vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ**

1. Đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

Mức thu đối với tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện vận tải cơ giới vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ được quy định như sau (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng):

| STT | Loại phương tiện vận tải cơ giới          | Mức thu<br>(đồng/lượt xe) |
|-----|-------------------------------------------|---------------------------|
| 1   | Xe ba bánh                                | 8.000                     |
| 2   | Xe có tải trọng dưới 01 tấn               | 10.000                    |
| 3   | Xe có tải trọng từ 01 tấn đến dưới 02 tấn | 15.000                    |
| 4   | Xe có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 05 tấn | 25.000                    |
| 5   | Xe có tải trọng từ 05 tấn trở lên         | 30.000                    |
| 6   | Xe công ten nơ (container)                | 35.000                    |

2. Đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước

Mức thu tối đa không quá 1,5 (một phẩy năm) lần so với quy định tại Khoản 1 Điều 8 (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

**Điều 9. Mức giá thu dịch vụ trông giữ xe**

1. Thu dịch vụ trông giữ xe: Là khoản thu đối với chủ phương tiện có nhu cầu trông giữ trong phạm vi tổ chức hoạt động của chợ để bù đắp cho công tác quản lý, sắp xếp, trông giữ phương tiện.

2. Mức thu áp dụng theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành về thu dịch vụ trông giữ xe.

### **Chương III**

## **THU, NỘP, QUẢN LÝ CÁC KHOẢN THU TẠI CHỢ ĐỐI VỚI CHỢ ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

### **Điều 10. Phân cấp thu, nộp các khoản thu tại chợ**

1. Đối với chợ đã tổ chức đấu thầu hoặc chuyển giao quản lý và kinh doanh khai thác chợ thì đơn vị kinh doanh, quản lý chợ được trúng thầu hoặc nhận chuyển giao sẽ thực hiện thu. Thời gian và số tiền nộp vào ngân sách nhà nước cùng cấp được thực hiện theo hợp đồng giao nhận thầu chợ; đồng thời có trách nhiệm kê khai thuế đối với phần thu nhập được để lại theo quy định.

2. Đối với chợ chưa tổ chức đấu thầu hoặc chuyển giao quản lý và kinh doanh khai thác chợ do Ban Quản lý, tổ quản lý chợ thực hiện thu, có trách nhiệm kê khai, nộp và quyết toán số tiền thu vào ngân sách nhà nước cùng cấp theo quy định.

3. Đối với khoản thu đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh được ký kết giữa tổ chức, cá nhân kinh doanh tại chợ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Ban Quản lý chợ, trong đó xác định rõ thời gian cho thuê điểm kinh doanh và số tiền thu cụ thể (theo đơn vị tính  $\text{đồng/m}^2/\text{tháng}$ ).

4. Đối với khoản thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ

a) Tùy theo tình hình thực tế của từng chợ, Ban Quản lý, tổ quản lý chợ có thể thu theo ngày, theo tuần hoặc theo tháng, nhưng tổng mức thu theo ngày hoặc tuần trong một tháng đảm bảo bằng với mức thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy định này.

b) Tổ chức thu phí chợ quyết định phương thức thu cho phù hợp và thực hiện niêm yết giá, thông báo công khai về mức thu, phương thức thu, thời gian và đơn vị, cá nhân thực hiện các khoản thu dịch vụ tại chợ để các hộ kinh doanh biết, thực hiện.

5. Ngoài các khoản thu đầu tư, thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, thu đối với tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện vận tải cơ giới vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ, thu dịch vụ trông giữ xe; Tổ chức quản lý chợ có thể tổ chức và thực hiện thu một số nội dung như: Thu quảng cáo; thu bán lẻ điện; thu hộ: Sử dụng điện, nước, truyền hình cáp, viễn thông, internet.

6. Việc miễn, giảm các khoản thu tại chợ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 11. Chứng từ thu sử dụng các dịch vụ tại chợ**

1. Tổ quản lý chợ phải lập và cấp chứng từ thu (phiếu, vé, biên lai, hóa đơn...) cho đối tượng sử dụng các dịch vụ tại chợ theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm hướng dẫn việc phát hành, quản lý, sử dụng chứng từ thu sử dụng các dịch vụ tại chợ theo quy định hiện hành.

### **Điều 12. Quản lý và sử dụng các khoản thu tại chợ**

1. Hàng năm, Ban Quản lý, Tổ quản lý chợ có trách nhiệm lập dự toán thu, chi các khoản thu sử dụng các dịch vụ tại chợ gửi cơ quan Tài chính thẩm định để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc quyết toán kinh phí các khoản thu sử dụng các dịch vụ tại chợ cùng thời gian với việc quyết toán ngân sách Nhà nước theo đúng quy định.

2. Đối với mức thu đầu tư chợ: Nếu ngân sách ứng trước kinh phí để đầu tư thì toàn bộ số thu này nộp hoàn trả ngân sách hoặc để bù đắp chi phí đầu tư hạ tầng chợ. Đối với khoản thu đầu tư đối với chợ đã hoàn thành thu hồi vốn đầu tư chợ tất cả phải nộp vào kho bạc nhà nước, tổ chức quản lý chợ chỉ được sử dụng số tiền thu đầu tư khi UBND cấp huyện ban hành văn bản chấp thuận (trên cơ sở tham mưu, đề xuất của các phòng, ban có liên quan), việc sử dụng phải thực hiện thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức quản lý chợ**

#### **1. Đối với Sở Tài chính**

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định trình tự, quy trình thẩm định phương án giá và phân cấp quyết định giá, phân công cụ thể về thẩm quyền tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá; phê duyệt chủ trương thực hiện kê khai giá đối với các tổ chức quản lý chợ; hiệp thương giá.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan Tài chính các cấp có trách nhiệm thường xuyên hướng dẫn công tác thu, chi, quản lý, báo cáo, quyết toán theo đúng chế độ tài chính hiện hành áp dụng cho từng đơn vị.

#### **2. Đối với Sở Công Thương**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt loại hình chợ đầu mối, hạng chợ làm cơ sở cho việc áp dụng các mức thu tại chợ.

#### **3. Cục Thuế tỉnh**

Chủ trì kiểm tra, hướng dẫn các loại chứng từ thu, chi và chỉ đạo các Chi cục Thuế hướng dẫn, phổ biến chính sách thu, chi, chế độ quản lý sử dụng hoá đơn, chứng từ có liên quan đến việc thu tại chợ cho tổ chức quản lý chợ biết, thực hiện. Đồng thời phối hợp với các cơ quan có liên quan kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện liên quan đến chuyên ngành được giao.

#### **4. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện**

a) Chỉ đạo, thực hiện công tác quản lý nhà nước về chợ, về việc thu, chi, nộp ngân sách của các chợ trên địa bàn.

b) Thực hiện ban hành quyết định phân nhóm để áp dụng mức thu cụ thể từng chợ, khu vực, ngành nghề kinh doanh trong phạm vi chợ trên địa bàn quản lý (đối với chợ được đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước).

c) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Công Thương) xem xét việc điều chỉnh loại hình chợ đầu mối, hạng chợ để làm cơ sở áp dụng các mức thu tại chợ cho phù hợp tình hình thực tế.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện giám sát, quản lý các khoản thu, chi tại chợ đối với các tổ chức quản lý chợ trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

6. Tổ chức quản lý chợ

a) Thực hiện thu, chi, nộp, quản lý, quyết toán các khoản thu sử dụng các dịch vụ tại chợ và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định quản lý thuế hiện hành.

b) Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện niêm yết giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và thu đúng giá niêm yết.

#### **Điều 14. Việc sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Vĩnh**